

BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
- BỆNH VIỆN NĂM 2021
(ÁP DỤNG CHO CÁC BỆNH VIỆN TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ)

Bệnh viện: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH NINH BÌNH
Địa chỉ chi tiết: Đường Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, Thành Phố Ninh Bình, Ninh Bình
Số giấy phép hoạt động: 123/SYT-GPHĐ Ngày cấp: 13/12/2013
Tuyên trực thuộc: Tỉnh/Thành phố
Cơ quan chủ quản: SỞ Y TẾ
Hạng bệnh viện: Hạng I
Loại bệnh viện: Đa khoa

TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

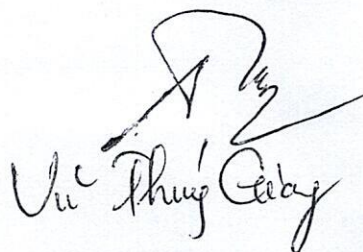
1. TỔNG SỐ CÁC TIÊU CHÍ ĐƯỢC ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ: 78/83 TIÊU CHÍ
2. TỶ LỆ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG SO VỚI 83 TIÊU CHÍ: 94%
3. TỔNG SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ ÁP DỤNG: 265 (Có hệ số: 285)
4. ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG CỦA CÁC TIÊU CHÍ: 3.35

(Tiêu chí C3 và C5 có hệ số 2)

KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Tổng số tiêu chí
SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT:	0	10	31	32	5	78
% TIÊU CHÍ ĐẠT:	0.00	12.82	39.74	41.03	6.41	100%

Ngày 21 tháng 01 năm 2022

NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN
(ký tên)


Vũ Thúy Hằng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(ký tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Tuyên

BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN NĂM 2021

I. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG

Mã số	Chỉ tiêu	Đoàn KT đánh giá NĂM 2020	BV tự đánh giá Năm 2021
A	PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)		
A1	A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)		
A1.1	Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể	4	4
A1.2	Người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật	5	5
A1.3	Bệnh viện tiến hành cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh	4	4
A1.4	Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời	3	3
A1.5	Người bệnh được làm các thủ tục, khám bệnh, thanh toán... theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên	4	4
A1.6	Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện	3	3
A2	A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)		
A2.1	Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường	3	3
A2.2	Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện	4	4
A2.3	Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy	4	4

Mã số	Chỉ tiêu	Đoàn KT đánh giá NĂM 2020	BV tự đánh giá Năm 2021
	đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt		
A2.4	Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý	2	2
A2.5	Người khuyết tật được tiếp cận với các khoa/phòng, phương tiện và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện	4	4
A3	A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)		
A3.1	Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	5	5
A3.2	Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp	4	4
A4	A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)		
A4.1	Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị	4	4
A4.2	Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư cá nhân	3	3
A4.3	Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác	4	4
A4.4	Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế		
A4.5	Người bệnh có ý kiến phản nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời	4	4
A4.6	Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp	3	3
B	PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)		

Mã số	Chỉ tiêu	Đoàn KT đánh giá NĂM 2020	BV tự đánh giá Năm 2021
B1	B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)		
B1.1	Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện	4	4
B1.2	Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện	2	2
B1.3	Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp của nhân lực bệnh viện	3	3
B2	B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)		
B2.1	Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp	2	2
B2.2	Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức	4	2
B2.3	Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực	4	4
B3	B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)		
B3.1	Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế	3	3
B3.2	Bảo đảm điều kiện làm việc, vệ sinh lao động và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế	5	5
B3.3	Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện	3	3
B3.4	Tạo dựng môi trường làm việc tích cực cho nhân viên y tế	4	4
B4	B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)		
B4.1	Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai	3	3
B4.2	Triển khai văn bản của các cấp quản lý	4	4

Mã số	Chỉ tiêu	Đoàn KT đánh giá NĂM 2020	BV tự đánh giá Năm 2021
B4.3	Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện	3	3
B4.4	Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận	4	4
C	PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)		
C1	C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)		
C1.1	Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện	4	4
C1.2	Bảo đảm an toàn điện và phòng chống cháy nổ	2	2
C2	C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)		
C2.1	Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học	3	3
C2.2	Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học	4	4
C3	C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)		
C3.1	Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế	3	3
C3.2	Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn	4	3
C4	C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)		
C4.1	Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn	5	5
C4.2	Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	5	5
C4.3	Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ rửa tay	3	3
C4.4	Đánh giá, giám sát và triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	4	4

Mã số	Chỉ tiêu	Đoàn KT đánh giá NĂM 2020	BV tự đánh giá Năm 2021
C4.5	Chất thải rắn bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	4	4
C4.6	Chất thải lỏng bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	3	2
C5	C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)		
C5.1	Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật	3	3
C5.2	Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới	4	4
C5.3	Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng	3	3
C5.4	Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị	3	3
C5.5	Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện	2	2
C6	C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)		
C6.1	Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả	4	4
C6.2	Người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị	4	4
C6.3	Người bệnh được chăm sóc vệ sinh cá nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện	2	2
C7	C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)		
C7.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	3	3

Mã số	Chỉ tiêu	Đoàn KT đánh giá NĂM 2020	BV tự đánh giá Năm 2021
C7.2	Bệnh viện bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	4	4
C7.3	Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện	3	3
C7.4	Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý	4	4
C7.5	Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện	2	2
C8	C8. Chất lượng xét nghiệm (2)		
C8.1	Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh và giải phẫu bệnh	4	4
C8.2	Bảo đảm chất lượng các xét nghiệm	3	3
C9	C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)		
C9.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động dược	3	3
C9.2	Bảo đảm cơ sở vật chất khoa Dược	4	4
C9.3	Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng	3	3
C9.4	Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý	3	3
C9.5	Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) kịp thời, đầy đủ và có chất lượng	3	3
C9.6	Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả	3	3
C10	C10. Nghiên cứu khoa học (2)		
C10.1	Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học	4	3

Mã số	Chỉ tiêu	Đoàn KT đánh giá NĂM 2020	BV tự đánh giá Năm 2021
C10.2	Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh	4	4
D	PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)		
D1	D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)		
D1.1	Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện	3	3
D1.2	Xây dựng và triển khai kế hoạch, đề án cải tiến chất lượng bệnh viện	3	3
D1.3	Xây dựng văn hóa chất lượng	3	3
D2	D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)		
D2.1	Phòng ngừa nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh	2	3
D2.2	Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục	4	4
D2.3	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa	3	3
D2.4	Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ	4	4
D2.5	Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã	2	2
D3	D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)		
D3.1	Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện	4	4
D3.2	Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện	4	4
D3.3	Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng	4	4

Mã số	Chỉ tiêu	Đoàn KT đánh giá NĂM 2020	BV tự đánh giá Năm 2021
	công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện		
E	PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA		
E1	E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)		
E1.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh		
E1.2	Bệnh viện thực hiện tốt hoạt động truyền thông sức khỏe sinh sản trước sinh, trong khi sinh và sau sinh		
E1.3	Bệnh viện tuyên truyền, tập huấn và thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và UNICEF		
E2.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa		
	Tổng số điểm các tiêu chí	270	265
	Điểm trung bình	3.44	3.35

II. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUNG

T T	PHẦN, MỤC VÀ SỐ LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ	Số lượng tiêu chí đạt các mức:					Tổng điểm	Điểm trung bình	Số TC áp dụng
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5			
	A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (18)	0	1	6	9	2	67	3.72	18
	A1. Chi dẫn, đón tiếp, HD người bệnh (6)			2	3	1	23	3.83	6
	A2. Điều kiện cơ sở vật chất (4)		1	1	3		17	3.40	5
	A3. ôi trường chăm sóc người bệnh (2)				1	1	9	4.50	2
	A4. uyền và lợi ích của người bệnh (5)			2	3		18	3.60	5
	B. PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC (14)	0	3	8	3	0	46	3.29	14
	B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực y tế (3)		1	1	1		9	3.00	3
	B2. Chất lượng nguồn nhân lực y tế (3)		2		1		8	2.67	3
	B3. Chế độ đãi ngộ, môi trường làm việc (4)			2	1	1	15	3.75	4
	B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)			2	2		14	3.50	4
	C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)	0	6	16	12	1	115	3.29	35
	C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)		1		1		6	3.00	2
	C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)			1	1		7	3.50	2
	C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2)			2			6	3.00	2
	C4. Phòng ngừa kiểm soát nhiễm khuẩn (6)		1	1	2	2	23	3.83	6
	C5. Năng lực kỹ thuật chuyên môn (5)		1	3	1		14	2.80	5
	C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc (3)		1		2		10	3.33	3
	C7. Năng lực chăm sóc dinh dưỡng (5)		1	2	2		16	3.20	5
	C8. Chất lượng xét nghiệm (2)			1	1		7	3.50	2
	C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)			5	1		19	3.17	6
	C10. Nghiên cứu khoa học (2)			1	1		7	3.50	2
	D. CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)	0	2	4	5	0	37	3.36	11

D1.Thiết lập hệ thống và triển khai (3)			3			9	3.00	3
D2.Phòng ngừa sai sót, sự cố (5)		1	2	2		16	3.20	5
D3.Đánh giá, đo lường, cải tiến (3)				3		12	4.00	3
E.TIÊU CHÍ CHUYÊN KHOA (4)								
Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (4)								
SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT CÁC MỨC & TỔNG SỐ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG:	0	10	31	32	5	265	3.35	78/83
TỶ LỆ CÁC MỨC ĐẠT ĐƯỢC (%) & ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG	0.00	12.82	39.74	41.03	6.41			

III. TÓM TẮT CÔNG VIỆC TỰ KIỂM TRA BỆNH VIỆN

1. Triển khai thực hiện kế hoạch tự kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2021

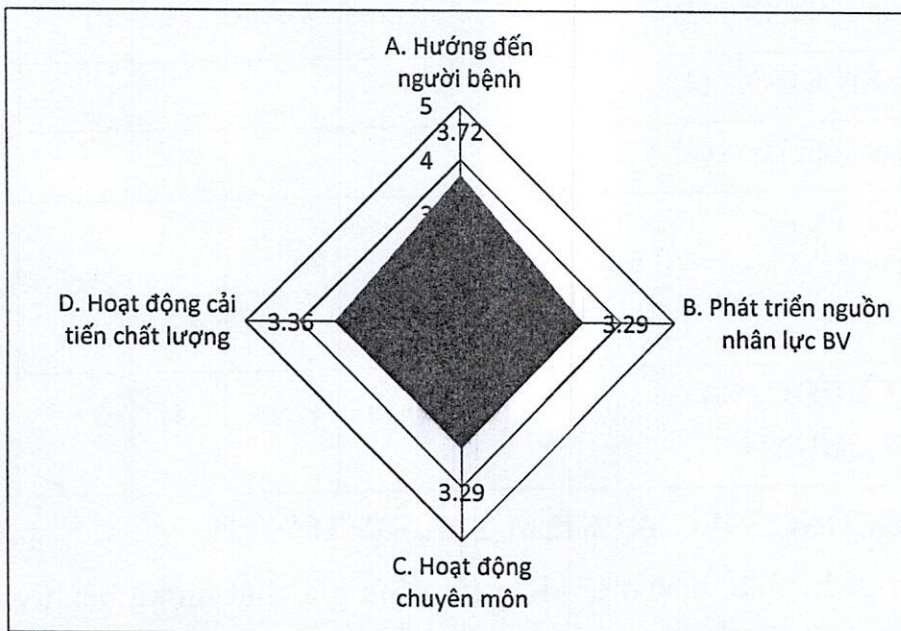
Thực hiện Công văn số 190/SYT-NVY ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Sở y tế về việc kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2021; Ngày 24/01/2022 ban hành Quyết định số 173/QĐ-BVĐK về việc thành lập Tổ kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện. Tổ đánh giá có nhiệm vụ tổ chức đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2021 theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 6858/QĐ-BYT. Thư ký đoàn đã tổng hợp kết quả kiểm tra báo cáo Giám đốc, Sở Y tế theo quy định.

2. Kết quả tự chấm điểm chất lượng bệnh viện so sánh với năm 2020.

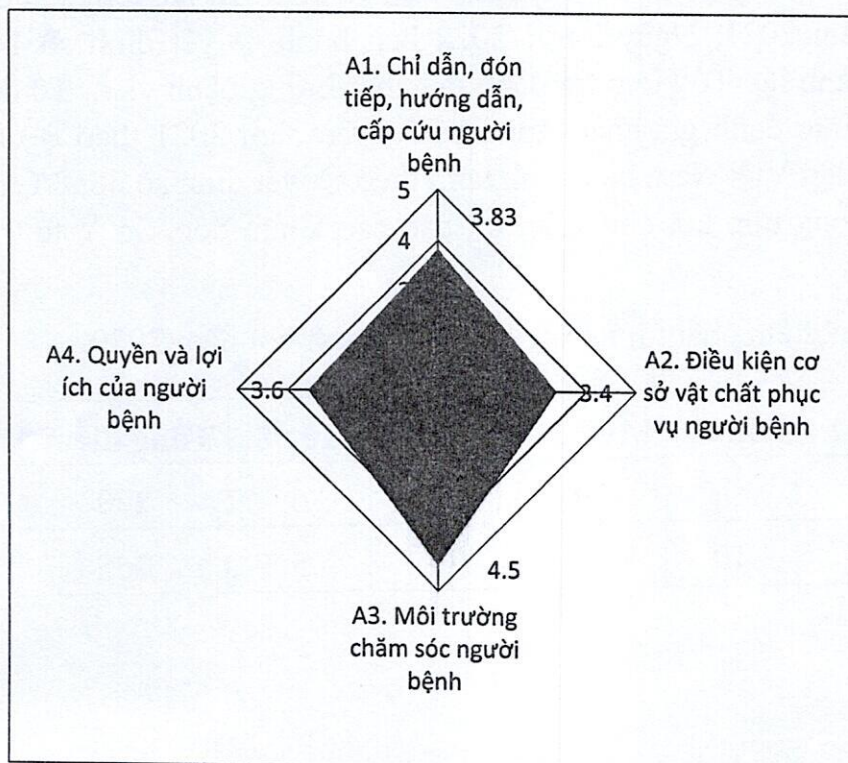
Năm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Tổng điểm
2020	0	9	29	34	6	270
2021	0	10	31	32	5	265

IV. BIỂU ĐỒ CÁC KHÍA CẠNH CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

a. Biểu đồ chung cho 5 phần (từ phần A đến phần D)

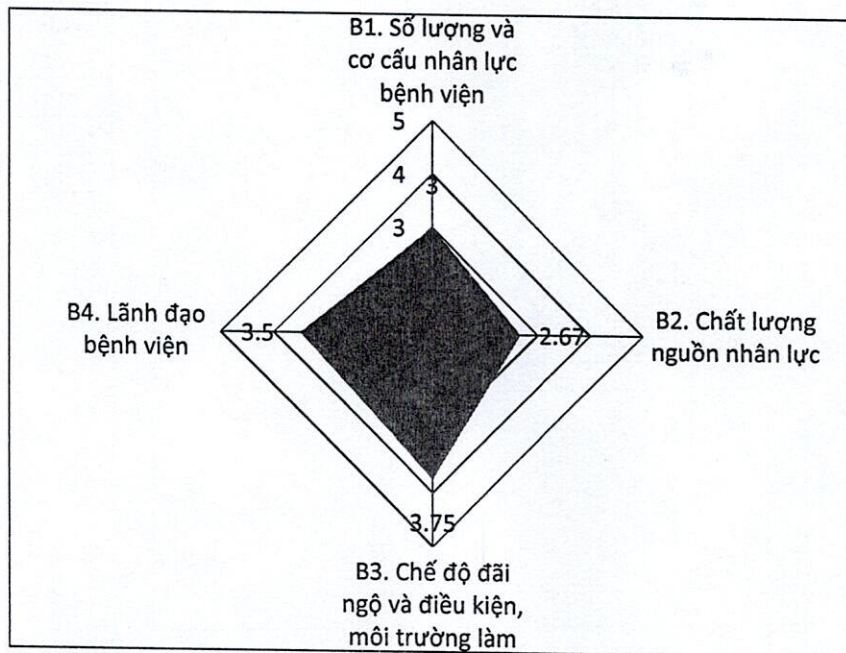


b. Biểu đồ riêng cho phần A (từ A1 đến A4)



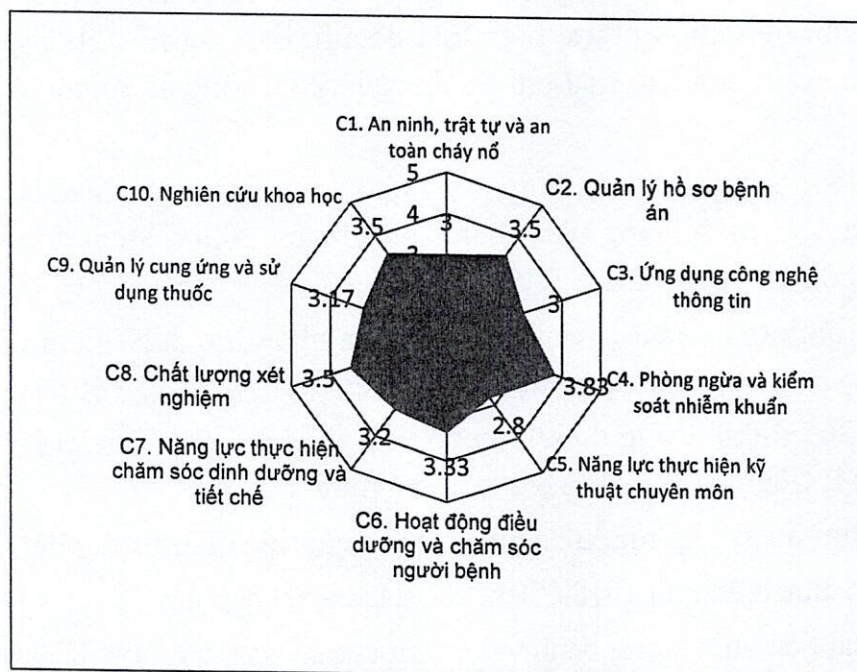
Phần A	
Tiêu chí	Điểm TB
A1	3.83
A2	3.40
A3	4.50

c. Biểu đồ riêng cho phần B (từ B1 đến B4)



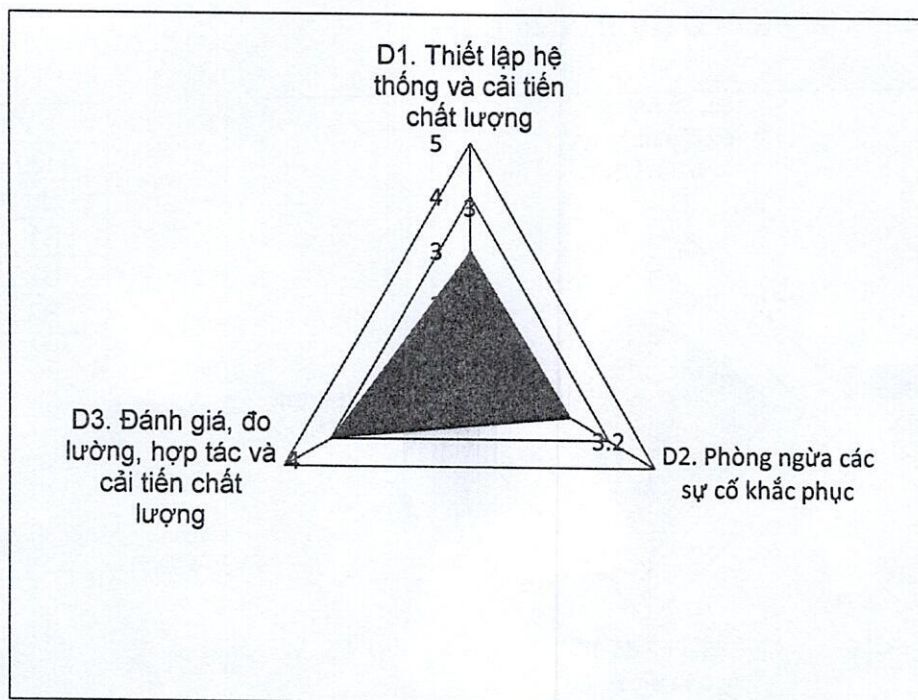
Phần B	
Tiêu chí	Điểm TB
B1	3.00
B2	2.67
B3	3.75
B4	3.50

d. Biểu đồ riêng cho phần C (từ C1 đến C10)



Phần C	
Tiêu chí	Điểm TB
C1	3.00
C2	3.50
C3	3.00
C4	3.83
C5	2.80
C6	3.33
C7	3.20
C8	3.50
C9	3.17
C10	3.50

e. Biểu đồ riêng cho phần D (từ D1 đến D3)



Phần D	
Tiêu chí	Điểm TB
D1	3.00
D2	3.20
D3	4.00

V. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC ƯU ĐIỂM CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

- Số lượng tiêu chí áp dụng là 78 trong đó C3 và C5 tính điểm hệ số hai.
- Tổng số tiêu chí áp dụng đánh giá là 78/83 (94%) do: bệnh viện không có chuyên khoa Sản và chuyên khoa Nhi nên không áp dụng 4 tiêu chí của Phần E (Tiêu chí đặc thù chuyên khoa); bệnh viện không thực hiện liên doanh, liên kết nên không áp dụng tiêu chí A4.4. Tổng số điểm của các tiêu chí áp dụng là 265; tổng số điểm có hệ số là 285;
- Qua bảng tổng kết điểm trung bình của từng phần cho thấy: Phần đạt điểm cao nhất là hướng đến người bệnh 3,73 điểm, tăng 0.05 điểm so với năm 2020; Hoạt động cải tiến chất lượng 3.36 tăng 0.09 so với năm 2020.
- Phần đạt điểm trung bình thấp nhất là Phát triển nguồn nhân lực 3,29 điểm giảm 0.14 điểm so với năm 2020; Hoạt động chuyên môn 3.29 điểm tăng 0.11 so với năm 2020;
- Tổng số điểm đạt là 265 điểm, trong đó không có tiêu chí ở mức 1; Tiêu chí mức 2 là 10; tiêu chí mức 3 là 31, tiêu chí mức 4 là 32, tiêu chí mức 5 là 5;
- Bệnh viện đã triển khai được khá nhiều các hoạt động cải tiến chất lượng bệnh viện:
 - + Duy trì và cải tiến việc thực hiện ISO 15189:2012 cho 2 khoa xét nghiệm
 - + Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng bệnh viện, tăng cường phát triển kỹ thuật mới, tăng cường công tác đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ,
 - + Tích cực xây dựng quy trình trong khám chữa bệnh. Bệnh viện không để xảy ra sự cố y khoa nghiêm trọng.
 - + Đã trang bị đèn báo gọi cho các giường cấp cứu.
- Triển khai khám chữa bệnh ngày thứ 7, chủ nhật để giảm quá tải khám bệnh trong

ngày thường.

VI. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC NHƯỢC ĐIỂM, VẤN ĐỀ TỒN TẠI

- Chưa cung cấp nước uống cho người bệnh tại các khoa.
- Chưa tuyển dụng đầy đủ số bác sỹ theo đúng đề án vị trí việc làm đã xây dựng.
- Chưa xây dựng các khẩu phần ăn bệnh lý khác nhau cho từng đối tượng người bệnh.
- Kế hoạch cải tiến chất lượng bệnh viện năm 2021 chưa thực hiện đúng tiến độ đề ra.
- Việc duy trì thực hành 5S tại một số khoa, phòng chưa được đẩy mạnh.

VII. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Các vấn đề khác ưu tiên giải quyết trong năm tới:

- Định kỳ 6 tháng/ lần đánh giá thời gian chờ đợi của người bệnh; có số liệu thời gian chờ đợi và thời gian hoàn thành toàn bộ các thủ tục khám bệnh, đề ra biện pháp cải tiến.
- Tích cực phát triển các kỹ thuật mới, đặc biệt các kỹ thuật mũi nhọn mang tính chuyên sâu;
- Đẩy mạnh công tác An toàn người bệnh;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình KCB tại khoa Khám bệnh;
- Tăng cường công tác quản lý chất lượng và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện;
- Đẩy mạnh công tác dinh dưỡng tiết chế;
- Tiếp tục tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, thực hành cho điều dưỡng, đồng thời tăng cường giám sát thực hiện quy trình để kết quả thi tay nghề đạt tỷ lệ giỏi, xuất sắc nhiều hơn nữa.

VIII. GIẢI PHÁP, LỘ TRÌNH, THỜI GIAN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Giai đoạn 2021 – 2022

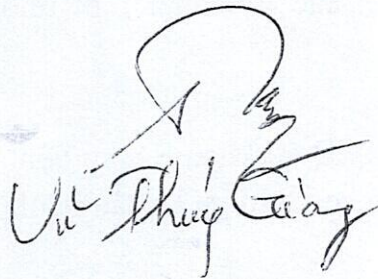
- Thường xuyên duy trì bền vững những tiêu chí đã đạt được mức 4 và mức 5, giảm các tiêu chí mức 2;
- Nâng cao trình độ chuyên môn cũng như chất lượng điều trị hướng đến sự hài lòng của người bệnh và người nhà bệnh nhân, tạo niềm tin cho nhân dân trong khu vực;
- Cải thiện môi trường và điều kiện làm việc cho nhân viên, phân bổ nguồn lực hợp lý, đầu tư cải tạo cơ sở vật chất, khoa phòng, bổ sung, nâng cấp trang thiết bị cho những vấn đề liên quan đến chất lượng. Chăm lo điều kiện làm việc và cải thiện đời sống cho cán bộ, viên chức;
- Triển khai đồng bộ các giải pháp cải tiến chất lượng bệnh viện;
- Thường xuyên giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho nhân viên bệnh viện, không để xảy ra việc người bệnh không hài lòng về tinh thần thái độ phục vụ người bệnh của nhân viên y tế;
- Giảm tỷ lệ người bệnh phải chuyển tuyến khi đến khám và điều trị tại bệnh viện.

IX. KẾT LUẬN, CAM KẾT CỦA BỆNH VIỆN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Trên cơ sở những mặt mạnh và những yếu kém cần khắc phục đã được đánh giá theo bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện của Bộ Y tế, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình cam kết thực hiện kế hoạch và lộ trình cải tiến chất lượng bệnh viện, phấn đấu nâng cao chất lượng bệnh viện để đáp ứng với sự kỳ vọng của người bệnh. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình phấn đấu trở thành địa chỉ tin cậy của người bệnh không những trong tỉnh mà còn của người bệnh các tỉnh lân cận, là bệnh viện được đánh giá là một trong những bệnh viện có chất lượng tốt của các bệnh viện hạng I; Phấn đấu xếp loại chất lượng tốt.

Ngày 27 tháng 07 năm 2022

NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Tuyên